TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Đỗ Thanh Tuyến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Mỹ N, sinh năm 2000.
Hộ khẩu thường trú: số A, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Tạm trú: số 17/2/9/3 Liên khu 5-6, B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: số 47, ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Chị N, anh N1 vắng mặt, chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Mỹ N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N1 không lo làm ăn, chị N nhiều lần khuyên can nhưng anh N1 không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh N1.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung tên Nguyễn N Huỳnh L, sinh ngày 30/6/2018 và Nguyễn N Huỳnh V, sinh ngày 23/11/2019. Hai con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Do bận đi làm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh N1 nhưng anh N1 đều vắng mặt và cũng không gởi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Chị N thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh N1 chưa thực hiện đầy đủ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung tên Nguyễn N Huỳnh L, sinh ngày 30/6/2018 và Nguyễn N Huỳnh V, sinh ngày 23/11/2019 cho chị N nuôi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, xin được nuôi 02 con chung. Bị đơn anh N1 cư trú tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh N1.

[2] Về hôn nhân: Theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn do chị N cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Bình Thành chứng nhận kết hôn cho chị N và anh N1 vào ngày 28/02/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện chị N xác định không còn tình cảm với anh N1 nên xin được ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho anh chị. Anh N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên hòa giải và cũng không gởi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến mong muốn hàn gắn với chị N nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, anh chị cũng không trình báo và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải cho anh chị.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân bền vững phải xuất phát từ sự tự nguyện và tình cảm thương yêu của cả vợ và chồng. Trên thực tế, chị N và anh N1 sau khi cưới nhau chỉ sống hạnh phúc đến đầu năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mỗi người có cuộc sống riêng, không mong muốn hàn gắn. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn N Huỳnh L, sinh ngày 30/6/2018 và Nguyễn N Huỳnh V, sinh ngày 23/11/2019. Con hiện đang do chị N nuôi. Anh N1 vắng mặt, cũng không có ý kiến tranh chấp gì về việc nuôi con. Vì vậy, để tránh gây xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý con trẻ, cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị N nuôi là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Chị N trình bày tài sản chung không có, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh N1 vắng mặt, không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Mỹ N, cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N1.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn N Huỳnh L, sinh ngày 30/6/2018 và Nguyễn N Huỳnh V, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Huỳnh

Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận chị Huỳnh Mỹ N không yêu cầu anh Nguyễn Văn N1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4]Về án phí: Chị Huỳnh Mỹ N có nghĩa vụ nộp án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006275 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận chị N đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan